

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

(Dùng cho kỳ thi tuyển sinh đào tạo liên thông đại học khóa 8 năm học 2012 – 2013)

MÔN CƠ SỞ DỮ LIỆU

MÔN THI CHUYÊN NGÀNH: NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- (1) Giáo trình Phân tích, thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống cơ sở dữ liệu - Ban điều hành đề án 112 chính phủ, Hà Nội, năm 2004.
- (2) Giáo trình Nguyên lý của các hệ cơ sở dữ liệu - Nguyễn Kim Anh, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, năm 2004.

NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Phần 1: THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU.

1.1. Sơ đồ thực thể – liên kết (ERD – Entity Relationship Diagram)

- 1.1.1. Kiểu thực thể:
 - 1.1.1.1. Thực thể mạnh.
 - 1.1.1.2. Thực thể yếu.
- 1.1.2. Thuộc tính thực thể:
 - 1.1.2.1. Thuộc tính định danh (Identifier)
 - 1.1.2.2. Thuộc tính đơn (single) và thuộc tính phức hợp (Composite)
 - 1.1.2.3. Thuộc tính đơn trị (single – valued) và thuộc tính đa trị (multi-valued)
 - 1.1.2.4. Thuộc tính lưu trữ (stored) và thuộc tính suy diễn (derived)
- 1.1.3. Mối liên kết:
 - 1.1.3.1. Bậc (degree) của mối liên kết: liên kết một ngôi, hai ngôi, ba ngôi.
 - 1.1.3.2. Ràng buộc về lượng số (cardinality constraint) của mối liên kết.
 - 1.1.3.3. Đa liên kết (multiple relationship)
 - 1.1.3.4. Thuộc tính của mối liên kết (attribute on relationship)
 - 1.1.3.5. Thực tế kết hợp (associative entity)

1.2. Chuyển đổi từ sơ đồ ERD sang lược đồ CSDL quan hệ

- 1.2.1. Chuyển đổi các kiểu thực thể.
- 1.2.2. Chuyển đổi các thuộc tính.
- 1.2.3. Chuyển đổi các mối liên kết.

2. Phần 2: NGÔN NGỮ TRUY VẤN CƠ SỞ DỮ LIỆU SQL.

2.1. Câu truy vấn cơ bản.

- 2.1.1. Mệnh đề Select
- 2.1.2. Mệnh đề From
- 2.1.3. Mệnh đề Where

2.2. Các hàm cơ bản thường dùng.

2.3. Các toán tử: so sánh, Not, And, Or, In, Between ... And ..., like, ...

2.4. Câu truy vấn có nhóm dữ liệu: mệnh đề Group by và Having.

2.5. Câu truy vấn có sử dụng nhiều bảng dữ liệu.

- 2.5.1. Phép kết trong (inner join)
- 2.5.2. Phép kết ngoài (outer join)
- 2.5.3. Tự liên kết (selfjoin)

2.6. Câu truy vấn con (Sub query)